

Phạm Thị Mai

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 309/TANDTC-PC

V/v xin ý kiến đối với hồ sơ dự án Nghị quyết
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết

số 81/2025/UBTVQH15

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2026

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CÔNG VĂN ĐẾN

Giờ Ngày 27/5

Kính chuyển..... NC

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/UBTVQH16 ngày 20/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2026; Tòa án nhân dân tối cao đã nghiên cứu, xây dựng hồ sơ dự án Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực (sau đây gọi tắt là hồ sơ dự án Nghị quyết).

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Tòa án nhân dân tối cao kính gửi Chính phủ hồ sơ dự án Nghị quyết nêu trên để nghiên cứu, cho ý kiến góp ý.

Theo Nghị quyết số 01/2026/UBTVQH16 ngày 20/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ xem xét, thông qua dự án Nghị quyết tại Phiên họp thứ 3 (tháng 6/2026) **theo trình tự, thủ tục rút gọn**. Do thời gian rất gấp, vì vậy, văn bản góp ý đề nghị gửi về Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học) và gửi file word vào địa chỉ thư điện tử phongdansu@gmail.com **trước ngày 02/6/2026**.¹

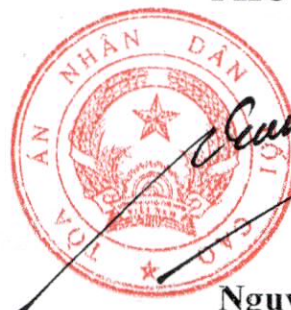
Trân trọng cảm ơn sự quan tâm, phối hợp trong công tác của Quý cơ quan./.

(Gửi kèm Công văn này là dự thảo hồ sơ dự án Nghị quyết) *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chánh án TANDTC (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH-P2.

**KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN**



Nguyễn Văn Tiên

¹ Thông tin chi tiết xin liên hệ Đồng chí Phạm Thị Mai, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, sdt 0949.84.3939

Nghị quyết số: /2026/UBTVQH16

(Dự thảo 1)

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15 và Luật số 150/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Đồng Nai;

Xét đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tại Tờ trình số 196/TTr-TANDTC ngày 04 tháng 4 năm 2026 và Báo cáo thẩm tra số /BC-UBPLTP16 ngày tháng năm 2026 của Ủy ban Pháp luật và Tư pháp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/QH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 2 như sau:

“c) Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 09 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh, **thành phố Đồng Nai**; các tỉnh: An Giang, Cà Mau, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Tây Ninh và Vĩnh Long.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 4 như sau:

“2. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực đối với vụ việc **phục hồi**, phá sản được quy định như sau:

a) Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 18 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng; các tỉnh: Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa và Tuyên Quang;

b) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 07 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Đà Nẵng, thành phố Huế; các tỉnh: Đắk Lắk, Gia Lai, Khánh Hòa, Quảng Ngãi và Quảng Trị;

c) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 09 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Cần Thơ, thành phố Hồ Chí Minh, **thành phố Đồng Nai**; các tỉnh: An Giang, Cà Mau, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Tây Ninh và Vĩnh Long.

3. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực đối với vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại, vụ án hành chính về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ được quy định như sau:

a) Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 20 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, thành phố Huế; các tỉnh: Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa và Tuyên Quang;

b) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 14 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Cần Thơ, thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; **thành phố Đồng Nai**; các tỉnh: An Giang, Cà Mau, Đắk Lắk, Đồng Tháp, Gia Lai, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Tây Ninh và Vĩnh Long.”

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, phiên họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Mẫn

Số: /TTr-TANDTC

(dự thảo 1)

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực

Kính trình: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Tòa án nhân dân tối cao kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự án Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực (sau đây gọi là dự án Nghị quyết) với những nội dung cơ bản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Từ sau khi Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 được ban hành, một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 đã được sửa đổi, bổ sung dẫn đến một số quy định của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 không còn phù hợp. Cụ thể như sau:

1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Phục hồi, phá sản năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ và giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định cụ thể phạm vi thẩm quyền này. Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 chỉ quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực đối với vụ việc phá sản, chưa quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với vụ việc phục hồi.

2. Cụm từ “tỉnh Đồng Nai” trong Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 không còn phù hợp với quy định tại Điều 1¹ của Nghị quyết số 30/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Đồng Nai.

¹ **Điều 1. Thành lập thành phố Đồng Nai**

Thành lập thành phố Đồng Nai trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của tỉnh Đồng Nai...”

Do đó, để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc xác định thẩm quyền của Tòa án, việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho việc thi hành các quy định pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân; bảo đảm giải quyết các vụ việc phục hồi kịp thời, hiệu quả; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã; góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xét xử của Tòa án.

2. Quan điểm

Việc xây dựng Nghị quyết được thực hiện theo các quan điểm chỉ đạo sau đây:

- a) Thể chế hoá các chủ trương, đường lối, chính sách trong các nghị quyết, văn kiện của Đảng về cải cách tư pháp, hoàn thiện về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân;
- b) Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội;
- c) Sửa đổi, bổ sung những nội dung chưa phù hợp, thống nhất với các quy định của luật, nghị quyết mới của Quốc hội liên quan đến thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025, Tòa án nhân dân tối cao đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện các công việc sau:

- 1. Nghiên cứu, rà soát văn kiện, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan;
- 2. Đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng Thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao để lấy ý kiến Nhân dân;
- 3. Xin ý kiến Ban Thường vụ Đảng ủy, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân đối với dự án Nghị quyết;
- 4. Xin ý kiến Chính phủ, các bộ, ngành hữu quan đối với hồ sơ dự án Nghị quyết và giải trình, tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự án Nghị quyết;
- 5. Báo cáo Ủy ban Pháp luật và Tư pháp thẩm tra Hồ sơ dự thảo Nghị quyết;
- 6. Trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến đối với Hồ sơ dự thảo Nghị quyết;
- 7. Tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết theo ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 02 điều: (1) Điều 1 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/QH15; (2) Điều 2 về hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản

- Bổ sung phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực đối với vụ việc phục hồi vào khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15.

- Thay cụm từ “tỉnh Đồng Nai” thành “thành phố Đồng Nai” tại điểm c khoản 2 Điều 2, điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15.

Nội dung sửa đổi nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 với Luật Phục hồi, phá sản và Nghị quyết số 30/2026/QH16.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Nguồn kinh phí

Kinh phí tổ chức thi hành Nghị quyết từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn nhân lực

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Tòa án hiện hành có nhiệm vụ tổ chức thi hành Nghị quyết. Do vậy, sau khi Nghị quyết này được ban hành và có hiệu lực, không làm phát sinh tổ chức hành chính mới, không tăng biên chế, nguồn nhân lực cơ bản đáp ứng yêu cầu của công tác triển khai thi hành Nghị quyết.

3. Về thời gian trình thông qua

Dự án Nghị quyết dự kiến trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua vào tháng 6/2026.

Trên đây là Tờ trình về dự án Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, Tòa án nhân dân tối cao kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban chỉ đạo CCTP Trung ương;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Lưu VT, Vụ PC&QLKH TANDTC.

CHÁNH ÁN

Nguyễn Văn Quảng

BÁO CÁO

Về việc rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan liên quan đến dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Tòa án nhân dân tối cao đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực (sau đây gọi chung là dự thảo Nghị quyết). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT**1. Mục đích, yêu cầu rà soát**

- Mục đích: Việc rà soát nhằm đánh giá mức độ phù hợp của dự thảo Nghị quyết với Hiến pháp và các Điều ước quốc tế, cũng như tính thống nhất với các quy định của pháp luật hiện hành, trên cơ sở định hướng từ các chủ trương, đường lối của Đảng; đề từ đó đề xuất giải pháp bảo đảm tính khả thi và hiệu quả của các quy định trong dự thảo Nghị quyết; bảo đảm tính tương thích, đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Yêu cầu: Việc rà soát phải bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nghiên cứu kỹ lưỡng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, bám sát mục tiêu, yêu cầu, nội dung rà soát theo quy định; rà soát đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên để có đánh giá khách quan, chính xác.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

Các chủ trương, đường lối của Đảng; các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành bao gồm Hiến Pháp, các Bộ luật, Luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác (Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TANDTC, Nghị định của Chính phủ...) và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan đến dự thảo Nghị quyết.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Các chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo

(1) Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

(2) Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;

(3) Kết luận số 09-KL/BCĐ ngày 24/11/2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW;

(4) Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật;

(5) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

(6) Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Qua rà soát, dự thảo Nghị quyết không có nội dung trái với các văn kiện của Đảng có liên quan.

2. Các Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo

Qua rà soát, dự thảo Nghị quyết không trái với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo

3.1. Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

2. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15, Luật số 106/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 142/2025/QH15 và Luật số 150/2025/QH15;

3. Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15;

4. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

5. Nghị quyết số 30/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Đồng Nai;

6. Nghị quyết số 252/NQ-UBTVQH16 ngày 24/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai.

Qua rà soát, dự thảo Nghị quyết cơ bản bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

3.2. Nội dung rà soát

Qua rà soát, nội dung của các quy định tại dự thảo Nghị quyết không trái với quy định của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15; thống nhất, đồng bộ với quy định của các luật có liên quan. Cụ thể như sau:

a) Bổ sung quy định về phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực đối với vụ việc phục hồi vào khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 (khoản 2 Điều 1)

Khoản 1 Điều 6 Luật Phục hồi, phá sản quy định:

“Điều 6. Thẩm quyền giải quyết vụ việc phục hồi, phá sản

1. Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết vụ việc **phục hồi, phá sản** trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ.

Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực đối với vụ việc phục hồi, phá sản do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định...”

Điểm c khoản 2 Điều 4 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân quy định:

“Điều 4. Tổ chức và thẩm quyền thành lập, giải thể các Tòa án nhân dân

...2. Thẩm quyền thành lập, giải thể Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của một số Tòa án nhân dân cấp tỉnh, của Tòa án nhân dân khu vực và Tòa án quân sự được quy định như sau:

...c) Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của một số Tòa án nhân dân khu vực giải quyết vụ việc **phục hồi, phá sản**; vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại, vụ án hành chính về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;...”

Việc bổ sung quy định về phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực đối với vụ việc phục hồi vào khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 là phù hợp với các quy định nêu trên của Luật Phục hồi, phá sản và Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.

b) Thay thế cụm từ “tỉnh Đồng Nai” thành “thành phố Đồng Nai” tại điểm c khoản 2 Điều 2, điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 (khoản 1 và 2 Điều 1)

Quy định này phù hợp với quy định tại Điều 1 của Nghị quyết số 30/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Đồng Nai, cụ thể như sau:

“Điều 1. Thành lập thành phố Đồng Nai

Thành lập thành phố Đồng Nai trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của tỉnh Đồng Nai...”

Trên đây là Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực. Tòa án nhân dân tối cao kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến./.

(Phụ lục - văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến dự thảo Nghị quyết đính kèm)

Nơi nhận:

- Như kính trình;
- Ban chỉ đạo CCTPTW;
- Ban Nội chính TW;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Công an;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Ngoại giao;
- Trung ương Hội Luật gia Việt Nam;
- Công TTĐT TANDTC (để đăng tải);
- Lưu: VT (TANDTC, Vụ PC&QLKH-P2).

**KT. CHÁNH ÁN
PHÓ CHÁNH ÁN**

Nguyễn Văn Tiến

Dự thảo 1

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 81/2025/UBTVQH15 NGÀY 27/6/2025 CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI VỀ THÀNH LẬP TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC; QUY ĐỊNH PHẠM VI THẨM QUYỀN THEO LÃNH THỔ CỦA TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP TỈNH, TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH

GHI CHÚ: Các nội dung của Dự thảo sửa đổi so với văn bản hiện hành thì in đậm nghiêng

VĂN BẢN HIỆN HÀNH Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15	DỰ THẢO Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15	THUYẾT MINH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Điều 1. Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh 1. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang và Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang. 2. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai và Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái. 3. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn. 4. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình và Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. 5. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh và Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.	Không có nội dung sửa đổi, bổ sung.	

- | | | |
|---|--|--|
| <p>6. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên và Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.</p> <p>7. Thành lập Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng và Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.</p> <p>8. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam và Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.</p> <p>9. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.</p> <p>10. Thành lập Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.</p> <p>11. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.</p> <p>12. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.</p> <p>13. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.</p> <p>14. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.</p> | | |
|---|--|--|

15. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

16. Thành lập Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

17. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

18. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh và Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

19. Thành lập Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang và Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

20. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

21. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

22. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau và Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

23. Thành lập Tòa án nhân dân tỉnh An Giang trên cơ sở hợp nhất Tòa án nhân dân tỉnh An Giang và Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

24. Sau khi hợp nhất, thành lập, trong hệ thống tổ chức của Tòa án nhân dân có 34 Tòa án nhân dân cấp tỉnh, trong đó có 19 Tòa án nhân dân tỉnh và 04 Tòa án nhân dân thành phố được thành lập theo quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 23 Điều này và 11 Tòa án nhân dân cấp tỉnh không thực hiện sắp xếp, gồm Tòa án nhân dân các tỉnh: Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Lai Châu, Lạng Sơn, Nghệ An, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Sơn La và Tòa án nhân dân các thành phố: Hà Nội, Huế. 25. Các Tòa án nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, các luật về tố tụng và quy định khác của pháp luật có liên quan. Các Tòa án nhân dân cấp tỉnh quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 23 Điều này kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các Tòa án nhân dân được hợp nhất theo quy định của pháp luật.		
Điều 2. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh đối với yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc 1. Các Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc bao gồm: a) Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; b) Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng; c) Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. 2. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của các Tòa án nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 1 Điều này đối với	Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/QH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực 1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 2 như sau: “c) Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 09 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đồng Nai; các tỉnh: An Giang, Cà Mau, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Tây Ninh và Vĩnh Long.”	- Sửa đổi, bổ sung cụm từ “Đồng Nai” thành “thành phố Đồng Nai” tại điểm c khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15. Nội dung sửa đổi nhằm bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Nghị quyết số 30/2026/QH16 ngày

yêu cầu hủy phán quyết trọng tài, đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc được quy định như sau: a) Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 18 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng; các tỉnh: Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa và Tuyên Quang; b) Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 07 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Đà Nẵng, thành phố Huế; các tỉnh: Đắk Lắk, Gia Lai, Khánh Hòa, Quảng Ngãi và Quảng Trị; c) Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 09 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh; các tỉnh: An Giang, Cà Mau, Đồng Nai, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Tây Ninh và Vĩnh Long.		24/4/2026 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Đồng Nai .
Điều 4. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực 1. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của 355 Tòa án nhân dân khu vực được xác định tương ứng với phạm vi địa giới của các đơn vị hành chính cấp xã được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. 2. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực đối với vụ việc phá sản được quy định như sau:	Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2025/QH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực ...2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 4 như sau: “2. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực đối với vụ việc <i>phục hồi</i>, phá sản được quy định như sau:	

a) Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 18 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng; các tỉnh: Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa và Tuyên Quang; b) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 07 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Đà Nẵng, thành phố Huế; các tỉnh: Đắk Lắk, Gia Lai, Khánh Hòa, Quảng Ngãi và Quảng Trị; c) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 09 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh; các tỉnh: An Giang, Cà Mau, Đồng Nai, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Tây Ninh và Vĩnh Long. 3. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực đối với vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại, vụ án hành chính về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ được quy định như sau: a) Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 20 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, thành phố Huế; các tỉnh: Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa và Tuyên Quang; b) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 14 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Cần Thơ, thành phố Đà	a) Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 18 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng; các tỉnh: Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa và Tuyên Quang; b) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 07 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Đà Nẵng, thành phố Huế; các tỉnh: Đắk Lắk, Gia Lai, Khánh Hòa, Quảng Ngãi và Quảng Trị; c) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 09 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Cần Thơ, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đồng Nai; các tỉnh: An Giang, Cà Mau, Đồng Tháp, Lâm Đồng, Tây Ninh và Vĩnh Long. 3. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực đối với vụ việc dân sự, kinh doanh, thương mại, vụ án hành chính về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ được quy định như sau: a) Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 20 tỉnh, thành phố, bao gồm: thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, thành phố Huế; các tỉnh: Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Hưng Yên, Lai Châu, Lạng Sơn, Lào Cai, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sơn La, Thái Nguyên, Thanh Hóa và Tuyên Quang; b) Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 14 tỉnh, thành phố,	- Bổ sung cụm từ “phục hồi” tại khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15. Nội dung sửa đổi nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và cụ thể hóa quy định của Luật Phục hồi, phá sản năm 2025 về thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực đối với vụ việc phục hồi, phá sản. - Sửa đổi, bổ sung cụm từ “Đồng Nai” thành “thành phố Đồng Nai” tại điểm c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15. Nội dung sửa đổi nhằm bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Nghị quyết số 30/2026/QH16 ngày 24/4/2026 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Đồng Nai.
--	--	---

Năng, Thành phố Hồ Chí Minh; các tỉnh: An Giang, Cà Mau, Đắk Lắk, Đồng Nai, Đồng Tháp, Gia Lai, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Tây Ninh và Vĩnh Long. 4. Địa điểm đặt trụ sở của Tòa án nhân dân khu vực do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định, bảo đảm gần dân, sát dân, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi tham gia tố tụng.	bao gồm: thành phố Cần Thơ, thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; thành phố Đồng Nai; các tỉnh: An Giang, Cà Mau, Đắk Lắk, Đồng Tháp, Gia Lai, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Quảng Ngãi, Tây Ninh và Vĩnh Long.”	
Điều 5. Hiệu lực thi hành Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.	Bổ sung hiệu lực thi hành tại Điều 2 của dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung.	
Điều 6. Tổ chức thực hiện 1. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này; sắp xếp tổ chức bộ máy, quyết định phân bổ biên chế, số lượng Thẩm phán Tòa án nhân dân; xử lý trụ sở, tài sản công tại các Tòa án nhân dân và các nội dung khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. 2. Chính phủ, căn cứ quy định tại Nghị quyết này, bố trí kinh phí để thực hiện việc thành lập, sắp xếp các Tòa án nhân dân gồm: xây dựng, cải tạo, sửa chữa trụ sở; mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; đào tạo, bồi dưỡng và giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy và các nhiệm vụ cần thiết khác.	Không có nội dung sửa đổi, bổ sung.	